

VẤN ĐỀ TÌM ĐƯỜNG TRIỂN KHAI GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KITÔ GIÁO TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở TRUNG QUỐC

TRƯƠNG HIẾN^(*)

Vào khoảng thập niên 80 thế kỉ XX, khoa triết học trong các trường đại học trọng điểm ở Trung Quốc bắt đầu lần lượt triển khai xây dựng kế hoạch, chương trình cho các môn học liên quan đến lịch sử Kitô giáo, văn hoá tư tưởng Kitô giáo, triết học Kitô giáo, nghệ thuật Kitô giáo và so sánh Kitô giáo với các tôn giáo khác. Từ khoa triết học dần dần tách ra thành khoa (triết) tôn giáo học, viện nghiên cứu tôn giáo học. Trong tình hình hiện nay, xu thế này chỉ có ngày một tăng chứ không suy giảm. Tôn giáo học ngày càng trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của việc giảng dạy khoa học nhân văn trong các trường đại học. Bản chất của việc giảng dạy lịch sử, văn hoá, triết học, nghệ thuật, v.v... của Kitô giáo là gì? Triển khai công việc này trong các trường đại học có ý nghĩa gì? Tiền đề phát triển của nó ra sao? Tìm tòi, suy nghĩ sơ bộ về vấn đề này, từ đó làm cho công tác giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo ở các trường đại học được tiến hành một cách ổn định, lành mạnh, đây là trách nhiệm không thể thoái thác

của những người làm công tác giáo dục ở Trung Quốc.

I

Ngày nay việc giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng, hơn nữa đã thành nếp tốt trong giảng dạy khoa học nhân văn, đặc biệt là triết học ở các trường đại học. Đây là sự thay đổi lớn trong lịch sử giáo dục đại học từ sau năm 1949 ở Trung Quốc.

Khi Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, để chống lại sự phong toả kinh tế của các nước phương Tây do Mỹ đứng đầu, chính phủ Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã tích cực tìm đến sự giúp đỡ của Liên Xô, "Anh cả" của phe Xã hội chủ nghĩa lúc đó. Liên Xô là quốc gia xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử nhân loại, lúc đó cũng là một cường quốc. Tình thế này quyết định Trung Quốc tiếp tục

*. Zhang Xian, GS. TS. Khoa Triết học, Đại học Trung Sơn, Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là bài thuyết trình của tác giả tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tháng 03 /2003, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* xin đăng toàn văn để bạn đọc tham khảo.

đi theo "con đường Cách mạng Tháng Mười", thành tâm học tập, làm theo "Anh cả", từ các phương diện như chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, v.v... Vì vậy, bắt đầu có sự điều chỉnh hệ thống các trường, viện, đại học, cao đẳng trong cả nước. Mục đích của sự điều chỉnh hệ thống trường viện rất rõ ràng, tức là phải phát triển nhanh chóng các khoa kỹ thuật công nghệ, thu nhỏ văn khoa (khoa học xã hội và nhân văn)⁽¹⁾. Tại trường Đại học Trung Sơn ở Quảng Châu, khoa triết học cũng bị điều chỉnh, sáp nhập về thủ đô Bắc Kinh. Trường đại học Trung Sơn không còn khoa triết học nữa, những giáo sư nổi tiếng như Chu Khiêm Chi, Mã Thái cũng bị điều về công tác ở Bắc Kinh. Nhiệm vụ hàng đầu của Trung Quốc lúc đó là phát triển kinh tế quốc dân, cho nên không tránh khỏi thu nhỏ khoa học xã hội và nhân văn. Đồng thời, phương châm giáo dục đại học và cao đẳng của Trung Quốc được nhấn mạnh rất rõ là phục vụ sản xuất, củng cố chuyên chính của giai cấp vô sản vừa mới ra đời.

Năm 1957, Mao Trạch Đông trong bài *Về vấn đề xử lý đúng đắn mâu thuẫn nội bộ nhân dân* đã nói: "Phương châm giáo dục của chúng ta, nên làm sao cho những người được giáo dục phát triển cả về các mặt đức dục, trí dục, thể dục, để trở thành người lao động có văn hoá, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa"⁽²⁾. Năm 1958, Trung ương Đảng Cộng sản Trung

Quốc, Quốc Vụ Viện trong *Chỉ thị về công tác giáo dục* nêu rõ: "Phương châm công tác giáo dục của Đảng là giáo dục phải phục vụ cho chính trị của giai cấp vô sản, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất"⁽³⁾. Năm 1961, trong bản *Điều lệ tạm thời công tác giáo dục ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục*, hai phương châm nêu trên đã được kết hợp làm một: "Giáo dục phục vụ cho chính trị của giai cấp vô sản, giáo dục tất nhiên phải kết hợp với lao động sản xuất, làm cho người được giáo dục phát triển cả về các mặt đức dục, trí dục, thể dục, trở thành người lao động có văn hoá, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa"⁽⁴⁾. Rõ ràng những phương châm giáo dục này mới chỉ nhấn mạnh sự kết hợp giữa giáo dục với lao động sản xuất, nhấn mạnh giáo dục phục vụ cho việc củng cố chính quyền non trẻ mới ra đời, mà bỏ qua giáo dục vốn có tác dụng bồi đắp kế thừa truyền thống văn hoá và phát triển tinh thần nhân bản. Dưới sự chi phối của phương châm này, chẳng những khoa học xã hội và nhân văn, mà ngay cả các nghiên cứu giảng dạy có liên quan đến khoa lí luận cơ bản thuần túy của khoa

1. Giáo dục cao đẳng, đại học lúc đó chỉ chia một cách giản đơn ra thành khoa văn, khoa lí, ngày nay trên thực tế, không chỉ có khoa lí mà còn có khoa công nghiệp, khoa nông nghiệp sư phạm, thể dục, v.v...

2. Mao Trạch Đông *tuyển tập*, Tập V, Nxb. Nhân dân, 1977, tr. 385.

3. *Giáo dục học Đại học* (bản sửa chữa), Vụ Cán bộ, Bộ Giáo dục biên soạn, Nxb. Đại học, 2001, tr. 30.

4. Sđd.

học tự nhiên, cũng khó tránh khỏi cái nạn bị thu nhỏ, o ép, lạnh nhạt.

Năm 1966, Mao Trạch Đông đích thân phát động cuộc *Đại cách mạng văn hoá vô sản*, đòi hỏi phải triệt để đập tan cái gọi là hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng bồi dưỡng những "mầm mống phong kiến, tư sản, xét lại". Thời gian "Cách mạng văn hoá", giáo viên các trường đại học bao gồm cả những giáo sư cao niên, đều bị đưa về nông thôn, xí nghiệp để tiếp thu sự "tái giáo dục" của quần chúng công nông; tổ chức Hồng vệ binh lấy thanh niên học sinh làm nòng cốt, dưới sự chỉ huy của thống soái tối cao, ngày thờ và cuồng nhiệt ảo tưởng rằng chỉ trong một đêm là đập nát được thế giới cũ. Không lâu sau, có chỉ thị tối cao truyền xuống: "Đại học vẫn cần phải xây dựng, ý tôi nói ở đây là đại học kĩ thuật công nghệ". Rõ ràng, Mao Trạch Đông lúc đó vẫn còn rất ác cảm với giáo dục khoa học xã hội và nhân văn. Một sự giải thích trực tiếp nhất là bất cứ một ngành giáo dục khoa học nhân văn nào sớm muộn cũng đều đào tạo ra những nhân vật xuất chúng phê phán xã hội, phê phán văn hoá, những người này ở những mức độ khác nhau, sẽ lại làm tiêu tan sự "sùng bái cá nhân" của toàn xã hội đối với Mao Trạch Đông, điều mà bản thân ông rất thích thưởng thức. Có một điều là Mao Trạch Đông rất không ưa gì tôn giáo, nhưng cái cao trào "sùng bái cá nhân" do ông trực tiếp khơi lên trong "Cách mạng văn

hoá", trên thực tế lại chính là một dạng tôn giáo mang màu sắc Trung Quốc hiện đại⁽⁵⁾. Như vậy, thực ra bất cứ lúc nào xã hội cũng đều cần có một loại lực lượng điều tiết của tôn giáo, nhưng trong thời kì xã hội hỗn loạn, thời kì xã hội không có giáo dục nhân văn, tôn giáo sẽ tự biểu hiện mình dưới nhiều hình thức kì dị can dự vào đời sống đại chúng với những phương thức cực kì đáng sợ.

Cuối thập kỉ 70 đầu thập kỉ 80 thế kỉ XX, xã hội bắt đầu ý thức được việc cần thiết phải đi vào chế độ hoá, trật tự hoá, quy phạm hoá, giáo dục đại học, cao đẳng khôi phục lại chế độ chiêu sinh qua thi tuyển. Nhưng cả nước vừa mới trải qua phong trào chính trị nên vô cùng mệt mỏi, ngoài một bộ phận nhỏ những thanh niên trí thức cố ý nhìn nhận lại "Cách mạng văn hoá", nên đăng kí thi vào các chuyên ngành văn, sử, triết, còn lại tuyệt đại bộ phận thanh niên đều đem những hiểu biết tích lũy được bấy lâu lao vào khoa học thực dụng như khoa học tự nhiên, kinh tế học, v.v... Khi đó có một câu nói rất phổ biến trong xã hội là: Học tốt toán lí hoá, đi khắp thiên hạ cũng chẳng sợ. Nếp nghĩ coi trọng kĩ thuật coi nhẹ nhân văn dần hình thành trong xã hội. Nếp nghĩ này có nguồn gốc từ

5. Tác giả cho rằng về hình thức mà xét thì gần giống với Công giáo. Ví dụ, Công giáo tôn phụng Giáo hoàng có quyền uy tuyệt đối, Giáo triều Vatican có một đoàn giám mục, hồng y, chế độ đẳng cấp giáo giới rõ ràng, các linh mục thực hành "chế độ cung cấp", quần chúng tín đồ biểu thị lòng trung thành với Giáo hội, v.v...

sau chiến tranh nha phiến khi những nhà trí thức phái cải lương nêu lên phải ra sức học tập và ứng dụng tinh thần khoa học kỹ thuật phương Tây, đến lúc này hình như nó lại quay trở lại, sau khi bị gián đoạn một thời gian bởi "Cách mạng văn hoá". Phong trào kinh tế hàng hoá nổi lên vào giữa thập kỉ 80 thế kỉ XX, sự phê phán đạo đức theo đó cũng được hình thành và phát triển mạnh cùng với nhịp độ tăng trưởng của hoạt động hàng hoá. Những nhận định, đánh giá này hầu như đã trở thành chuẩn mực giá trị duy nhất được xã hội chấp nhận. Trong đời sống vật chất người trí thức hầu như đã có giá trị, nhưng trong đời sống tinh thần căn bản đã mất đi sự tôn nghiêm và mất đi cả những quan niệm làm chỗ dựa cho những sự tôn nghiêm ấy. Giáo dục đại học đã thiếu hẳn tinh thần nhân văn.

Tất cả những điều này đều trực tiếp hoặc gián tiếp tạo nên "cơn sốt tôn giáo" trong xã hội Trung Quốc vào cuối thập kỉ 80 đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX. Cùng với việc chế độ hoá, trật tự hoá và quy phạm hoá đời sống xã hội, khoa học nhân văn có sức sống ngoan cường đã trải qua sự chuyển đổi mô hình từ "phê phán chính trị" đến "phê phán văn hoá" rồi đến "phê phán tôn giáo". "Phê phán tôn giáo" nói ở đây là lấy một tôn giáo nào đó làm chỗ dựa để trình bày lại tinh thần nhân văn đã bị mất mát, chứ không phải lấy một loại hình thái ý thức nào đó để tiến hành

phê phán một cách nông cạn, phiến diện đối với tôn giáo. "Phê phán tôn giáo" so với "phê phán văn hoá" và "phê phán chính trị" là hết sức cần thiết cả về bề rộng và độ sâu, nó làm chỗ dựa cho giáo dục tôn giáo. Bởi vậy, các trường đại học đặc biệt là các trường nổi tiếng ở Trung Quốc như Đại học Bắc Kinh, Đại học Nhân dân, Đại học Phúc Đán đều triển khai giảng dạy và nghiên cứu tôn giáo đặc biệt là Kitô giáo. Ở đây lòng hiếu kì được tạo ra bởi sự thiếu vắng việc giảng dạy và nghiên cứu tôn giáo trước đây đã nhanh chóng trở thành chất men phát huy tác dụng⁽⁶⁾.

Từ khi bước vào thế kỉ XXI đến nay, giới học thuật, giới giáo dục đã tự giác xuất phát từ các phương diện xây dựng văn hoá, bồi dưỡng tố chất con người, luân lí, đạo đức, v.v... nhìn nhận lại thấu đáo việc giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo. Theo thống kê chưa đầy đủ, ở Trung Quốc có không dưới 20 trường đại học có khoa tôn giáo (triết) học hoặc có giảng dạy nghiên cứu tôn giáo. Việc nghiên cứu tôn giáo, đặc biệt là nghiên cứu Kitô giáo một mặt là đào tạo nhân tài tương lai cho các trường đại học, mặt khác lại đặt ra những vấn đề cấp thiết cho việc giảng dạy và nghiên cứu tôn giáo ở bậc giáo dục đại học hiện nay. Công tác nghiên cứu học thuật vốn giàu thành quả của giới trí thức dần dần kích thích việc

6. Karl Jaspers, 1883 - 1969, nhà triết học hiện sinh đương đại, đã từng nói lòng hiếu kì của con người là nguyên nhân đầu tiên tạo thành triết học.

giảng dạy nghiên cứu tôn giáo ở đại học, việc theo đuổi những quan niệm tự thân và tinh thần cơ bản của đại học như một thanh nam châm cực mạnh, hấp dẫn thanh niên, những người có nhu cầu hiểu biết đến với triết học tôn giáo. Hiển nhiên, việc dịch và giới thiệu hàng loạt các tác phẩm học thuật của phương Tây, đặc biệt là các tác phẩm thần học triết học Kitô giáo, một mặt làm tăng thêm thế mạnh ngôn ngữ học thuật phương Tây, làm tăng thêm sự hội nhập văn hoá của các trí thức trẻ Trung Quốc, mặt khác lại duy trì sự "cân bằng sinh thái" về văn hoá, làm cho việc giảng dạy và nghiên cứu triết học Kitô giáo vốn thiếu vắng được phát triển trở lại.

II

Với nghĩa rộng, giáo dục đại học với tư cách hoạt động đào tạo nhân tài cao cấp, nó phát huy công năng văn hoá là chủ yếu. Tôn giáo vừa là tích tụ tầng sâu của văn hoá, đồng thời lại là suy nghĩ gốc rễ của lĩnh vực văn hoá siêu việt, nhằm thăng vào tâm linh tinh thần nhân loại. Không có tôn giáo, tư duy của một dân tộc sẽ trở nên phẳng lặng, nông cạn và đơn điệu. Việc giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo Trung Quốc trước đây được các trường đại học giáo hội do các giáo sĩ truyền giáo phương Tây lập ra ở Trung Quốc đảm nhiệm. Đại học giáo hội ngay từ khi lập ra đã có môn tôn giáo và môn khoa học văn hoá, thầy giáo

vừa truyền bá Phúc Âm Kitô vừa truyền bá tri thức khoa học văn hoá. Sau đó, tỉ lệ môn tôn giáo của đại học giáo hội ngày một thu nhỏ, nội dung của giáo dục từ tôn giáo mở rộng đến thế tục. Chính quyền mới thành lập đối lập gay gắt với tổ chức Kitô giáo, nên đại học giáo hội không thể tồn tại. Công tác giảng dạy tôn giáo hoàn toàn chỉ còn ở một số viện thần học, chức năng của nó cũng chỉ còn đơn thuần là đào tạo chức sắc tôn giáo, chức năng văn hoá đương nhiên không còn nữa.

Hiện nay các khoa tôn giáo (triết) học và viện nghiên cứu tôn giáo mới lập ra trong các trường đại học ở Trung Quốc chủ yếu đảm nhiệm chức năng truyền bá văn hoá tôn giáo và nghiên cứu học thuật. Đương nhiên, trong quá trình này, một số chức năng giáo dục tôn giáo nào đó đã bị mất đi, trước đây, nay cũng có thể được tiếp nối với hình thức gọi là "thần học học viện" (academic theology)⁷. Vấn đề hiện nay là bản chất của việc giảng dạy và nghiên cứu (văn hoá, lịch sử, triết học, nghệ thuật, v.v...) của Kitô giáo là gì? Tại sao lại cần thiết tiến hành giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo ở các trường đại học.

7. Juergen Moltman, nhà thần học Tin Lành đương đại người Đức, đã phân ra thành ba loại "thần học phổ thông" (general theology), "thần học giáo hội" (church theology) và "thần học học viện" (academic theology), mỗi loại đảm nhiệm một chức năng riêng nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau. Xin xem tác phẩm mới của ông: *Những kinh nghiệm trong thần học: Các con đường và các hình thức của thần học Kitô giáo* (Experiences in Theology, Ways and Forms of Christian Theology, Fortress Press, 2000), tr. 7 - 9.

Một điều rõ ràng là, giáo dục đại học Kitô giáo vốn được lập ra để đào tạo chức sắc tôn giáo mà Giáo hội cần. Trên thực tế, Giáo hội yêu cầu các loại nhân tài khác nhau, không chỉ đơn thuần là các mục sư, linh mục truyền đạo. Nhưng truyền đạo là công việc cơ bản của Giáo hội, cho nên huấn luyện nhân tài truyền đạo là bộ phận quan trọng không thể thiếu của giáo dục đại học Kitô giáo. Học vấn cơ bản nhất của người truyền đạo đương nhiên là thần học, nhưng ngoài điều này ra, còn phải hiểu được triết học, văn học, xã hội học, tâm lí học, v.v... Các viện thần học ở Trung Quốc hiện nay ở trong tình trạng như thế nào? Nó có thể gánh vác được toàn bộ trọng trách truyền bá và đổi mới văn hoá Kitô giáo không? Câu trả lời tất nhiên là phủ định. Đương nhiên, tiên đồ của giáo dục đại học Kitô giáo vẫn rất sáng sủa. Nhưng trước tiên cái mà chúng ta phải đối diện là lịch sử và hiện thực mà lịch sử tạo nên. Văn hoá chủ lưu của xã hội Trung Quốc truyền thống là văn hoá Nho gia. Hơn thế, cái gọi là văn hoá mới của giai cấp vô sản do chính quyền mới tạo ra, toàn bộ bầu không khí văn hoá đều bất lợi cho sự trưởng thành của văn hoá Kitô giáo. Những xung đột của các phong trào chính trị nổi lên liên tiếp bắt đầu từ thập kỉ 50 thế kỉ XX, đã làm cho các loại viện thần học của Kitô giáo ở Trung Quốc tồn tại hết sức khó khăn. Trong cục diện chính trị xã hội Trung Quốc như

hiện nay, giáo dục đại học Kitô giáo đương nhiên là một đề tài cực kì nhạy cảm. Nguyên nhân thông thường của nó là ở chỗ xử lí mối quan hệ giữa chính trị và tôn giáo, nguyên nhân ở tầng sâu hơn một chút là ở chỗ, tổ chức chính đảng của Trung Quốc hiện nay có quá nhiều tính tương đồng với tổ chức Giáo hội về phương diện công năng xã hội. Đương nhiên, còn có nguyên nhân "tranh giành" ưu thế ngôn ngữ và nguồn tài nguyên tư tưởng với văn hoá tôn giáo khác.

Thực trạng này đã khẳng định rằng chỉ có đại học mới có thể đảm đương được trọng trách truyền bá và đổi mới toàn bộ văn hoá Kitô giáo. Bản chất của giáo dục đại học là ở chỗ đào tạo nhân tài cao cấp, những con người có tinh thần tự do, phát triển lành mạnh toàn diện cả thể chất và tinh thần, nắm được một loại tri thức và kĩ năng chuyên ngành nhất định. Bản chất của giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo ở đại học là thống nhất với bản chất của toàn bộ nhiệm vụ giáo dục đại học, về căn bản nó là một loại công tác giáo dục, truyền bá văn hoá và nghiên cứu học thuật. Hơn nữa, thông qua công năng độc đáo của nó làm cho con người có thể đạt đến được sự tự do của tinh thần, sự phát triển khoẻ mạnh toàn diện của thân tâm. Nói cụ thể hơn, sự giáo dục của nó có hai mục đích: Một là, tập trung sức đào tạo những người làm công tác giáo dục văn hoá Kitô giáo tương lai, và những

chuyên gia hiến thân cho sự nghiệp nghiên cứu học thuật Kitô giáo; hai là, bù đắp tri thức văn hoá tôn giáo đặc biệt là văn hoá Kitô giáo, cho sự nghiệp đào tạo những con người tài năng ở bậc đại học.

Việc giảng dạy và nghiên cứu của Kitô giáo có công năng truyền thừa, đổi mới văn hoá nhân loại. Mọi người đều biết, Kitô giáo là một trong những tôn giáo chủ yếu vẫn còn lưu hành trên thế giới hiện nay. Nó có 2.000 năm lịch sử, tín đồ của nó chiếm khoảng 1/4 dân số thế giới. Phương thức kế thừa tiếp nối của văn hoá nhân loại là rất đa dạng, nhưng giáo dục, đặc biệt là giáo dục tôn giáo, ngay từ đầu đã là con đường quan trọng của việc truyền thừa và bảo tồn văn hoá nhân loại. Ngày nay trong bối cảnh xã hội toàn cầu hoá, khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng, các phương tiện thông tin đổi mới từng ngày từng giờ, chủng loại và số lượng sản phẩm văn hoá tăng lên theo cấp số nhân, văn hoá nhân loại đã trở thành một kho báu vô cùng rộng lớn. Những văn hoá ưu tú cần phải lựa chọn, chỉnh lí, truyền bá, bảo tồn và sáng tạo mới như thế nào, đây là những vấn đề ngày càng nổi cộm và bức thiết. Sự phát triển của Kitô giáo đương đại đã cung cấp một cách nhìn quan trọng và sự bảo đảm không thể thiếu cho chúng ta sàng lọc, gia công, tổ chức lại đối với văn hoá. Từ đó chúng ta mới có thể tìm ra những cái có giá trị cho sự phát

triển nhân loại trong nhiều sự kiện văn hoá, để lưu truyền, đổi mới, làm cho tinh hoa văn hoá nhân loại được lưu truyền từ đời này sang đời khác, không bao giờ dứt.

Khoa học nói về cái chân, văn học nghệ thuật nói về cái chân cái mĩ, triết học nói về cái chân cái thiện cái mĩ, tôn giáo nói về cái chân cái thiện cái mĩ cái thiêng. Thiếu mất xích văn hoá, tôn giáo vẫn có thể sản sinh ra những nhân tài có đầy đủ lí trí khoa học và nắm vững tri thức kĩ thuật chuyên môn, nhưng khó có thể sản sinh ra được những con người tài năng, về phương diện tâm linh, trên thì tiếp thu được lẽ trời dưới thì truyền đạt được luân thường đạo lí nhân gian. Không ít những người làm công tác giáo dục còn chưa nhận thức được điểm này, bây giờ đã đến lúc cần phải suy nghĩ nghiêm túc về nó.

III

Nhưng cần phải nhận thức rằng, trong các trường đại học ở Trung Quốc phải chú ý đến mối quan hệ giữa giáo dục triết học của chủ nghĩa Mác với giáo dục văn hoá Kitô giáo. Tinh thần văn hoá Kitô giáo và chủ nghĩa Mác vẫn luôn là hai lực lượng tư tưởng chủ yếu của xã hội Trung Quốc ngày nay, giữa chúng có cơ sở hợp tác hiểu biết lẫn nhau, có thể thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển lành mạnh sự nghiệp giáo dục đại học. Nói cách khác, nếu các học giả nghiên cứu các lĩnh vực văn hoá khác nhau có thể dùng lương tâm

chân thành của mình để theo đuổi những ý niệm tự do mà đại học cần có, thì họ sẽ có những nhận thức chung ở một số vấn đề cơ bản, ít nhiều hình thành được một thể hệ có tài năng thân tâm phát triển toàn diện. Trên thực tế, ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu cho thấy rằng, giữa lí luận của chủ nghĩa Mác, đặc biệt là lí luận về con người thời kì đầu, với tinh thần nhân văn Kitô giáo, tồn tại không ít sự tương đồng. Paul Tillich (1886 - 1965), nhà thần học Kitô giáo vĩ đại thế kỉ trước, bằng công trình nghiên cứu hết sức thành công của mình, đã cho chúng ta thấy sự gần gũi giữa chủ nghĩa Mác với Kitô giáo⁽⁸⁾.

Lấy tự do của con người là mục tiêu để phát triển toàn diện được Mác xem là nguyên tắc cơ bản của xã hội tương lai, đó cũng là đặc trưng cơ bản của xã hội tương lai. Đây là một nguyên tắc giáo dục mà giáo dục đại học tuân thủ. Tự do hoặc con người tự do, mục tiêu giá trị này là giá trị có tính tổng hợp cao nhất có thể bao trùm tất cả các giá trị khác, nghiên cứu giá trị này, thực ra chính là triển khai cụ thể đến tất cả các giá trị khác. Giá trị vật chất và giá trị tinh thần của con người, ở một ý nghĩa nhất định chúng đều là bộ phận cấu thành của giá trị tự do, là biểu hiện của giá trị tự do trong các phương diện khác nhau tức trong các khách thể giá trị khác nhau.

Mác đã chỉ rõ, tự do là đặc tính của hoạt động có ý thức của nhân

loại, và dựa vào hoạt động có ý thức, con người mới dịch chuyển bản thân mình và hoạt động sống của mình sang đối tượng khảo sát. Một đặc điểm quan trọng của tính ý thức và tính tinh thần của con người chính là con người có thể suy nghĩ về bản thân mình và quan hệ giữa mình với thế giới xung quanh. Ý thức của con người, một mặt, có khuynh hướng nội tại, đó chính là mục đích cố gắng thoát ra khỏi tính quy định ngoại tại của hoạt động sống, để tự mình quyết định lấy hoạt động của mình; con người căn cứ vào mục đích này, thông qua hoạt động của mình, khiến cho những quy định ngoại tại phải phục vụ theo nhu cầu của mình. Mặt khác, tính siêu việt cũng là đặc tính cơ bản của ý thức con người⁽⁹⁾.

Từ lập trường văn hoá của Kitô giáo mà nói, con người luôn luôn hướng về một cái thực tại tối thượng. Loại lí tưởng, khát vọng này chính là nguồn gốc tính siêu việt trong nhân tính, cũng là điều bí mật để con người trở thành con người tự do. Quả vậy, ý thức của con người vừa là căn cứ lịch sử của cái trở thành lịch sử, bản thân nó lại diễn ra trong lịch sử. Cho nên sự theo đuổi tự do của con người, cho đến cả nội dung của tự do và mức độ thực hiện của tự do đều sẽ phản ánh đặc tính của lịch sử. Lịch sử của nhân loại chính là quá trình

8. Xem: Paul Tillich. *Kì vọng chính trị*, bản dịch tiếng Trung, Nxb. Tứ Xuyên, 1989.

9. Xem: C. Mác *Bản thảo Kinh tế học - Triết học năm 1844*, Nxb. Nhân dân, 1979, tr. 50.

chủ thể nhân loại không ngừng tìm tòi giành lấy tự do, là quá trình tính chủ thể của con người không ngừng được nâng cao, nên tính tự do cũng không ngừng được lớn lên⁽¹⁰⁾.

Chúng ta phải nhận rõ, học thuyết của Mác phê phán xã hội tư bản vốn có tự do tước đoạt nhân tính, phần lớn là sự phản ánh thái độ tiên tri của Kitô giáo, có thể nói là có quan hệ với Kitô giáo. Mác có được cái nhìn xa trông rộng của Messiah từ Do Thái giáo và Kitô giáo, dùng phương thức cách mạng, xây dựng nên vương quốc "Messiah" của mình trên cơ sở kinh tế. Theo Paul Tillich, cách nhìn của Mác về con người và lịch sử của họ là hai tư tưởng căn bản có tính quyết định, trong đó có mặt tương đối phù hợp với sự giải thích của Kitô giáo về con người và lịch sử, và cũng có mặt chưa thật sự hoàn toàn nhất trí⁽¹¹⁾. Kitô giáo chính thống trông mong cái Thiên Quốc khi mà Giêsu Kitô tái lâm trong kế hoạch của Thượng Đế vĩnh hằng. Cái gọi là thế giới tương lai của Mác và Kitô giáo có nhiều điểm khác nhau, nhưng có một điểm chung, đó là lịch sử ở một giai đoạn nào đó trong tương lai sẽ đạt đến đỉnh điểm, sau đó sẽ là thế giới đại đồng vĩnh hằng. Lí tưởng của Mác về con người từ trạng thái dị hoá đi đến trạng thái tự do, và cả những quan niệm lí luận chứa đựng trong đó, đối với tín đồ Kitô giáo không cần phải vứt bỏ tín ngưỡng và luân lí của mình cũng có thể đồng ý tiếp thu được. Bây giờ vấn

đề cần phải suy nghĩ là, xã hội trong quá trình càng đi đến tự do, dân chủ và cởi mở hơn thì sẽ nhận thức tính tự chủ phát triển của tôn giáo như thế nào. Sự thế tục hoá của tôn giáo tuy có tính chất của nhân loại dị hoá, nhưng trong những trường hợp khác nhau, vẫn có thể là lực lượng sống uốn nắn cái dị hoá. Lực lượng này đã tìm được ngọn nguồn sinh lực của mình trong sự lí giải của Kitô giáo về con người.

Theo cách lí giải của Kitô giáo, con người trước khi có được "tôn tại tự do" như Mác nói, thì đã phải cảm ơn Chúa ban cho mình sự tồn tại. Cảm ơn vừa là tình cảm tôn giáo kính sợ sùng tín của con người đối với cái tối thượng tuyệt đối, cũng vừa là đặc tính bản chất của sự tồn tại chân thực. Với cách nhìn như vậy đối với con người, chúng ta ít nhiều có thể hiểu được mối liên quan giữa "tôn tại tự do" của Mác và cảm ân tồn tại của Kitô giáo. Sự thành thực của cá nhân đi đến tự do hoàn toàn không phải chỉ có dựa vào sự vận dụng lí trí và tài năng trời sinh, mà là do nhiều sự kiện lớn nhỏ đan kết mà thành. Tồn tại không phải là kết quả lựa chọn của bản thân con người, mà là lễ vật được ban cho. Chỉ có kết hợp làm một với Cái ban tặng tối thượng siêu việt ấy, con người mới tìm được bản chất chân chính

10. Xem: Metz. *Nhân loại trung tâm luận của Kitô giáo* (Christliche Anthropozentrik. Ueber die Denkform des Thomas von Aquin, Muechen 1962), tr. 19 - 32.

11. Paul Tillich. *Kitô giáo và chủ nghĩa Mác*, đăng trong *Kì vọng chính trị*, tr. 122.

của mình. Cái ban tặng tối thượng siêu việt ấy là quê hương linh hồn con người, "trái tim của chúng ta nếu không nằm yên trong lồng ngực, thì sẽ không yên tĩnh"⁽¹²⁾. Chúng ta có thể nói, lịch sử nhân loại đã hiện rõ, Cái ban tặng tối thượng ấy luôn luôn chỉ đạo chúng ta tiến bước. Cái ấy chính là Cái thực tại tối thượng (Ultimate Reality), mà con người luôn luôn theo đuổi dù vô tình hay cố ý khi mở cửa hướng ra thế giới. Một chuỗi các sự kiện này cũng chính là một chuỗi những chỉ dẫn của thực tại tối thượng, hình thành cảnh huống cụ thể cuộc đời cá nhân mỗi người. Theo cách trình bày về con người của Wolfhart Pannenberg, nhà thần học Kitô giáo đương đại người Đức, thì nhân loại sống luôn luôn đối diện với một vị Tồn tại tối thượng mà không hay biết, có thể nói chính là "mở cửa ra thế giới". Khi "mở cửa ra thế giới" con người đã nghĩ đến sự tồn tại của cái thực tại tối thượng. Sự mở cửa của nhân loại nếu chỉ xét ở mặt văn hoá, thì chưa đủ độ sâu, mà phải mở rộng ra cả bên ngoài văn hoá, bên ngoài thế giới tự nhiên, mới có thể hiểu được hoạt động sáng tạo của nhân loại⁽¹³⁾.

Từ Karl Kautsky qua Ernst Bloch đến Gustavo Gutierrez và Leonardo Boff, Giêsu Kitô luôn luôn được xem là nhà cách mạng, nhà giải phóng, còn "Sách Khải Huyền" được coi là một cuốn sách cách mạng bộc lộ đầy đủ tinh thần của Giêsu Kitô. Quả vậy, Mác và Kitô giáo có nhu cầu hoàn

toàn nhất trí với nhau về phương diện phản đối chế độ xã hội bất công và đòi quyền bình đẳng cho nhân loại. Khi Mác - Ăngghen phê bình tôn giáo dị hoá, đã chỉ ra chính xác vai trò tác dụng phê phán, kháng nghị, thậm chí cách mạng của tôn giáo trong những điều kiện khác nhau. Hai ông đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh bi thảm của tín đồ Kitô giáo nghèo khổ, bị đuổi ra khỏi quê hương bản quán, tha hương cầu thực, bị áp bức, bị bức hại trong lịch sử, thậm chí còn đặt ngang hàng Kitô giáo nguyên thuỷ với phong trào xã hội chủ nghĩa hiện đại⁽¹⁴⁾. Song theo hai ông, sự khác nhau căn bản của hai loại phong trào này là: Tín đồ Kitô giáo nguyên thuỷ gửi gắm hi vọng được cứu rỗi ở lai thế, còn người xã hội chủ nghĩa thì gửi gắm những điều mong muốn của mình ở thế giới này.

Nếu chúng ta hiểu sự tự giải phóng của con người là sự thay đổi địa vị kinh tế, chính trị, xã hội thế tục, hay hiểu đó chỉ là một loại trạng thái tốt đẹp với đầy đủ của cải tiện nghi, như vậy sẽ không tránh khỏi phiến diện và nông cạn. Về vấn đề này, triết học tồn tại, chủ nghĩa tồn tại, lí luận phê phán xã hội, v.v... đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu

12. Xem: *Tuyển tập triết học tôn giáo phương Tây thế kỉ XX*, q. thượng, tr. 196.

13. Xem: Triệu Quân Ảnh. *Tín ngưỡng Thượng Đế của nhà triết học hiện đại phương Tây*, q. thượng, 1983, tr. 324 - 326.

14. Xem: *Mác Ăngghen toàn tập*, Tập 20, tr. 120 (bản tiếng Trung).

tư tưởng hết sức phong phú, để tiến hành kiểm tra suy xét lại. Sự nghiệp giải phóng toàn diện con người đương nhiên là việc con người cần phải làm, nhưng lại là quá trình hướng đến cái tối thượng luôn luôn mở - tức là tính khả năng của sự tồn tại Kitô và con người là không bao giờ chấm hết. Bultman nói rất hay rằng: "Thoát khỏi quá khứ, đối diện với tương lai, đây chính là bản chất của tồn tại nhân loại". Tự do toàn diện của con người, về bản chất là sự bay lượn tự do của tâm linh, tinh thần con người hướng đến thực tại tối thượng vô hạn, chỉ có lí giải đúng đắn lịch sử của chuộc tội và cứu rỗi phát sinh trong văn hoá, chúng ta mới có thể nhận thức sâu sắc hoạt động tự giải phóng của con người. Phê phán vô thần luận của Mác về tôn giáo, không hề dừng lại ở sự theo đuổi cái vô hạn tự do tự chủ của con người trong vương quốc tâm linh tinh thần. Karl Barth nói rất chí lí rằng: "Vô thần luận của chủ nghĩa Mác không hề làm tổn hại đến vị Thượng Đế sống của Kitô giáo, mà chỉ làm tổn hại đến ngẫu tượng trong quan niệm" mà thôi, v.v... cho nên khi tín đồ Kitô giáo đối thoại với người mácxít, việc chủ yếu là làm cho họ rõ cái "ngẫu tượng trong quan niệm này không phải là Thượng Đế của Kitô giáo"⁽¹⁵⁾. Phong trào Cộng sản chủ nghĩa bắt đầu từ khi "Quốc tế thứ nhất" thành lập, luôn luôn tích cực thực hiện lí tưởng của Mác về "giải phóng hoàn toàn

con người"; song suy nghĩ lại về phong trào chính trị xã hội thanh thế to lớn này thì lại thấy rằng phải chăng tâm linh, tính tinh thần cá nhân được triển khai một cách hoàn toàn tự do, mới là căn cứ vốn có để nhận định "giải phóng toàn diện". Trên thực tế, xã hội không chỉ là khách thể được con người sáng tạo ra và tồn tại ở bên ngoài con người, mà còn ở ngay trong tâm chúng ta, thông qua điều chỉnh lối sống, đặc biệt là cách thức triển khai đời sống tinh thần tự do của bản thân chúng ta, mới có thể bảo đảm cho nó tồn tại lành mạnh⁽¹⁶⁾.

IV

Giáo dục đại học, đặc biệt là giáo dục khoa học xã hội và nhân văn, đương nhiên không thể lấy việc tích lũy không ngừng tri thức kĩ năng làm nhiệm vụ của mình, nó cần phải có mục tiêu tối thượng về phương diện tâm linh tinh thần. Hiện nay các trường đại học ở Trung Quốc đang chịu sức ép từ hai phía là cách mạng công nghệ thông tin và phát triển kinh tế toàn cầu hoá. Nếu không có sự điều phối, cân bằng giáo dục khoa học xã hội và nhân văn tương ứng, đặc biệt là giáo dục văn hoá tôn giáo, thì đại học sẽ mất đi cái động lực tinh thần cần có của

15. Chuyển dẫn từ *Đối thoại giữa tín đồ Kitô giáo và người mácxít*, đăng trên *Phong Cảnh*, số 56, tr. 27.

16. Xem: Lương Hồng Phi và Vương Kiệt. *Vai trò tôn giáo trong biến thiên xã hội - ghi chép cuộc đối thoại giữa Akeda và B. Wilson*, Nhà sách Tam Liên, Hồng Công, 1995, tr. 48 - 49.

mình để nội hoá, chèo lái các trào lưu xã hội nhìn bề ngoài xem ra có vẻ rất phức tạp. Từ đó cho thấy, giáo dục và nghiên cứu văn hoá Kitô giáo không phải là một môn có thể có hay không cũng được, mà nó là gốc rễ của toàn bộ quan niệm đào tạo đại học. Đương nhiên, chúng ta muốn nhìn nhận được một cách rõ ràng, trước mắt giáo dục và nghiên cứu văn hoá Kitô giáo trong các trường đại học ở Trung Quốc vừa mới bắt đầu, còn nhiều vấn đề phải nhận thức và xử lý cho đúng đắn, chẳng hạn như quá trình giảng dạy với nguyên tắc giảng dạy, hệ thống chương trình với nội dung giảng dạy, tổ chức giảng dạy với phương pháp giảng dạy, thực tiễn xã hội với nghiên cứu học thuật, v.v... Chỉ có đầu tư suy nghĩ về những vấn đề này, giáo dục nhân văn tôn giáo đại học mới có thể tiến hành thuận lợi được. Xin lấy khoa triết Trường đại học Trung Sơn làm ví dụ để phân tích sơ bộ mấy vấn đề nêu trên nhằm tìm kiếm phương hướng và lối đi chính xác.

Thứ nhất, quá trình giảng dạy

Giảng dạy là con đường cơ bản chúng ta đào tạo học sinh. Cái gọi là quá trình giảng dạy tức là quá trình dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, học sinh học tập một cách hệ thống những diễn biến lịch sử, tri thức văn hoá tư tưởng của Kitô giáo và cả những tranh luận thần học có liên quan, đồng thời phát triển tâm linh tinh thần tự do, xây dựng quan điểm

tôn giáo và phẩm chất đạo đức đúng đắn. Quá trình này về bản chất là một loại quá trình học sinh nhận thức lịch sử và hiện trạng Kitô giáo dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, hoặc có thể nói là một hình thức đặc thù của quá trình nhận thức, tức là quá trình thầy giáo dựa vào mục đích giáo dục nhất định và mục tiêu đào tạo đặc thù, có kế hoạch, có mục đích dẫn dắt nhận thức đặc điểm tính chất của Kitô giáo, bồi dưỡng họ trở thành những người có tài năng sau này làm công tác nghiên cứu chuyên môn. Ở đây cần phải nhấn mạnh rằng, quá trình dạy học không chỉ là quá trình truyền thụ tri thức văn hoá Kitô giáo, mà còn là quá trình hình thành và phát triển tố chất tâm lí, phẩm chất đạo đức, quan điểm giá trị và quan điểm tôn giáo đúng đắn. Bởi vậy, lòng tin, thái độ, tác phong, hành vi, v.v... của thầy giáo có tác dụng ảnh hưởng quan trọng đến tư tưởng, tình cảm, ý chí, tính cách của các học sinh.

Thứ hai, nguyên tắc giảng dạy

Trong lịch sử, trên cơ sở thực tiễn giảng dạy, nhiều nhà giáo dục đã nêu ra một số nguyên tắc dạy học như nguyên tắc truyền dạy bằng thực tế bản thân mình, "kì thân chính, bất lệnh nhi hành"⁽¹⁷⁾ (người cầm quyền tự mình đúng đắn, thì không ra lệnh, lệnh cũng được thi hành); nguyên tắc thu hút gợi mở, "bất phần bất khái, bất phỉ bất

17. *Luận ngữ - Tử Lộ.*

phát⁽¹⁸⁾ (người học không đến mức ám ức muốn biết thì không gợi mở, không hết sức cố gắng thì không hướng dẫn); nguyên tắc tuần tự tiệm tiến; và cả những nguyên tắc khác nữa như nguyên tắc dạy theo giáo trình, nguyên tắc ôn cũ biết mới, nguyên tắc học kết hợp với hành, nguyên tắc không sĩ nhục học sinh, nguyên tắc dạy lúc vui vẻ thoải mái, v.v... Những nguyên tắc dạy học này tuy là có nguồn gốc từ tư tưởng triết học Nho gia cổ đại Trung Quốc, nhưng chúng ta cũng bắt gặp trong truyền thống giảng dạy thần học của Kitô giáo. Đối với những di sản lịch sử quý báu này, khi xây dựng nguyên tắc giảng dạy Kitô giáo, chúng ta phải chú ý tiếp thu.

Suy nghĩ bước đầu của cá nhân tôi là nguyên tắc giảng dạy văn hoá Kitô giáo cần phải làm được bốn cái thống nhất sau: Thống nhất của tính tôn giáo và tính nhân văn; thống nhất của truyền thừa tri thức văn hoá tư tưởng Kitô giáo và bồi dưỡng tâm linh tinh thần; thống nhất của việc đào tạo chuyên nghiệp và phổ cập đại chúng; thống nhất của việc truyền thừa tinh thần văn hoá Kitô giáo và phát triển xã hội hiện đại.

Thứ ba, hệ thống chương trình và nội dung giảng dạy

Khoa Triết đại học Trung Sơn giảng dạy văn hoá Kitô giáo khá muộn, chương trình của nó còn xa mới có hệ thống hoàn bị. Hai ba năm nay, xoay quanh việc giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo, chúng tôi đã

và sẽ xây dựng chương trình riêng cho đối tượng sinh viên và nghiên cứu sinh của khoa, gồm các môn sau: Tôn giáo học, dẫn luận triết học tôn giáo, đọc nghiên cứu các tác phẩm nổi tiếng về triết học tôn giáo, tinh thần trung thế kỉ, xã hội học tôn giáo, tâm lí học tôn giáo, hiện tượng học tôn giáo, tư tưởng Kitô giáo, dẫn luận triết học Kitô giáo, dẫn luận Kinh Thánh (giáo sư nước ngoài giảng bằng tiếng Anh), kinh điển thần học triết học Kitô giáo (giáo sư nước ngoài giảng bằng tiếng Anh), luân lí học Kitô giáo (giáo sư nước ngoài giảng bằng tiếng Anh), Kitô giáo và so sánh tôn giáo (giáo sư nước ngoài giảng bằng tiếng Anh). Ngoài ra, phối hợp với giảng trên hội trường, chúng tôi còn thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi học thuật, mời các giáo sư nước ngoài và giáo sư các trường lớn trong nước đến thuyết trình.

Chúng tôi coi những buổi thuyết trình đó là sự tiếp nối và là bộ phận cấu thành hữu cơ của chương trình học, bởi vậy yêu cầu tất cả các bài giảng, các buổi thuyết trình về mặt nội dung phải làm sáng tỏ được các yêu cầu về tính mục đích, tính học thuật, tính gợi mở tư duy và tính thích hợp với công tác giáo dục.

Thứ tư, hoạt động giảng dạy và phương pháp giảng dạy

Chúng tôi truyền thụ cho sinh viên trong khoa đều bằng hình thức thuyết trình dẫn giải đầy đủ trọn vẹn tác

18. Luận ngữ - Thuật nhi.

phẩm hay vấn đề trên giảng đường chung. Nói chung, khi chúng tôi truyền thụ các nội dung trong dẫn luận triết học tôn giáo, chẳng hạn như "luận chứng hữu thần luận", "vấn đề cái ác", "quan hệ giữa khoa học và tôn giáo", "thần tích", "đời sống vĩnh hằng và sau khi chết", v.v... thì có ý thức hướng gần vào Kitô giáo, gợi mở một cách phong phú những nguồn tư liệu tư tưởng của Kitô giáo. Tính đến các hình thức giảng dạy phong phú đa dạng để đáp ứng nhu cầu phát triển cá tính của sinh viên, chúng tôi còn áp dụng các hoạt động học tập khác với tư cách là bổ trợ và phối hợp cho thuyết trình trên giảng đường, chẳng hạn như ra bài tập, phụ đạo, giải đáp thắc mắc, thảo luận, v.v... Ngoài ra chúng tôi còn chú ý mở ra "giảng đường thứ hai". Khi truyền thụ những tri thức cơ bản về Kitô giáo, thì đồng thời tổ chức cho sinh viên tham quan nhà thờ thành phố Quảng Châu, tọa đàm trực tiếp với các nhân sĩ giáo hội.

Tương ứng với các hoạt động đó, phương pháp giảng dạy của chúng tôi chủ yếu là phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận, phương pháp hướng dẫn tự học. Trên cơ sở này, trong tư tưởng chỉ đạo giảng dạy, chúng tôi chú ý lấy phương pháp gợi mở thay thế phương pháp rót nước vào chai, về công năng giảng dạy thì vừa chú ý dạy cho sinh viên nắm được tri thức văn hoá Kitô giáo, vừa chú ý làm cho họ nhận biết, nhất là nắm được phương pháp tu tập tâm linh tinh thần của Kitô giáo.

Thứ năm, biên soạn sách giáo khoa

Sách giáo khoa là chỗ dựa chủ yếu của giảng dạy, nó là ấn phẩm chuyên dùng trình bày nội dung giảng dạy, là cụ thể hoá đại cương giảng dạy. Theo sự hiểu biết của tác giả, các trường đại học ở Trung Quốc hiện nay vẫn chưa có sách giáo khoa về văn hoá tư tưởng Kitô giáo. Giáo tài mà viện thần học sử dụng đương nhiên không thể đem dùng vào đại học được, điều này đòi hỏi chúng ta, những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo ở đại học phải bỏ công sức để biên soạn giáo trình cho thích hợp. Biên soạn như thế nào để có được một bộ giáo trình tương đối đầy đủ về văn hoá tư tưởng, diễn biến lịch sử và cả những tranh luận thần học hiện nay của Kitô giáo, nhưng phải thích hợp với các trường đại học ở Trung Quốc? Trước tiên đương nhiên phải tiếp thu những thành quả giảng dạy và nghiên cứu của các học giả Đài Loan, Hồng Công và nước ngoài, sau đó phải tham khảo thành quả của một số nhà thần học và chuyên gia nghiên cứu Kitô giáo ở trong nước, và còn phải tính đến những phát triển mới nhất của những cơ sở học thuật tiên tiến. Cụ thể là cần phải có một số đặc điểm như sau:

1. Giáo tài khác với chuyên khảo học thuật, đặc biệt yêu cầu phải phù hợp với nhu cầu của việc giảng dạy. Bởi vậy về câu chữ tối kị cách viết mập mờ khó hiểu; yêu cầu phải cụ thể xác thực, thứ tự phân minh, lôgic chặt chẽ. Biểu đạt khái niệm, trình bày nguyên lí đều phải chuẩn xác, trong sáng, giản dị, lưu loát.

2. Cần phải phản ánh được lịch sử phát triển của tư tưởng Kitô giáo, không nên chỉ đơn thuần giới thiệu tri thức Kitô giáo. Trong sách giáo khoa nên cố gắng nhấn mạnh những yếu tố nào đã tạo cho chúng ta hôm nay nhận thức bản chất của Kitô giáo, cũng nên giới thiệu những chứng cứ nào còn chưa đủ hoặc những giả thuyết mâu thuẫn nhau trong tranh luận thần học triết học hiện nay. Sách giáo khoa không phải là liệt kê giản đơn những phép tắc, khái niệm, định nghĩa, nguyên lí cơ bản, mà là sự thể hiện mối liên hệ nội tại giữa những nguyên lí, phép tắc và khái niệm ấy.

3. Chú ý phương diện xã hội, phản ánh vấn đề thực tế của thực tiễn đời sống và giáo hội, với tinh thần sáng tạo, trực diện và khoa học.

4. Phối hợp với đồ hoạ, tranh ảnh, bảng biểu chọn lọc tinh túy làm cho sách thêm cụ thể sinh động, câu chữ đặc biệt là những khái niệm dịch ra tiếng Trung, lời lẽ phải sát hợp lưu loát.

Thứ sáu, tìm mô hình hợp tác mới với Hồng Công

Trên thực tế chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhân lực vật lực ở các mức độ khác nhau của các trường đại học, viện thần học, viện nghiên cứu văn hoá Kitô giáo và cả "quỹ Hà Thúc Minh" của Hồng Công. Chúng tôi đang tăng cường hợp tác với Hồng Công về các mặt xây dựng tư liệu, thư viện, tham quan trao đổi giáo sư, tiếp nhận nghiên cứu sinh, tiến tu sinh, tổ chức

hội thảo chuyên đề, xuất bản chuyên khảo hoặc sách dịch, v.v...

Trung Quốc đang tiến bước lên xã hội hiện đại, nhiều vấn đề của tính hiện đại xã hội và hiện đại văn hoá đan quyện chặt chẽ với nhau, đòi hỏi chúng tôi, những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu Kitô giáo phải nhận thức cho rõ. Do đó chúng tôi không thể không suy nghĩ lại khởi nguồn của tư liệu tư tưởng văn hoá Kitô giáo. Sinh viên thanh niên ngày nay do sự thiếu hụt của tinh thần nhân văn nên nảy sinh hoang mang, lo lắng, băn khoăn, chúng tôi có trách nhiệm tưới dòng nước tinh thần từ nguồn suối tinh khiết trong mát vào tâm linh khao khát của những người thanh niên này. Văn hoá Kitô giáo hệ Hán ngữ đang trong quá trình hình thành, chúng tôi cần phải tìm tòi một cách nhìn mới về tính tâm linh tinh thần trong Kitô giáo. Công cuộc xây dựng một xã hội dân chủ, tự do, chính nghĩa, mở cửa đòi hỏi sự phù trợ của văn hoá tôn giáo, bởi thế chúng tôi phải bồi dưỡng đào tạo càng nhiều những con người có tài năng để tham gia vào sự nghiệp xây dựng loại văn hoá này. Môi trường sinh thái văn hoá Trung Quốc không thể không có lớp văn hoá Kitô giáo, chúng tôi nguyện khiêm tốn cần mẫn, cày xới, tưới tẩm, vun trồng, để khát vọng chân thành của chúng tôi có được mùa thu hoạch thắng lợi./.

Người dịch: Trần Nghĩa Phương